

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		RCDM+VSP02+JS2	7:25	4+2+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
2		P1+CTK3+TD1+BK14	9:25	0+8+8+0	0+0+0+0		4+1+2+14	0+0+0+0	

TTBDSX

Ghi chú: 6 người bk10 về bờ qua JS2



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2018	TO: RCDM - VSP02 - JS2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA NGOC THANH	RCDM	14	1	15	100	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG LINH	RCDM	13	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TRI	RCDM	99	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI CONG	RCDM	98	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUY THAN	VSP02	98	1	10	20	70	CODIEN	Vietnamese
6	LE VAN GIANG	VSP02	02	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
7	HO XUAN TUYEN	JS2	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	BOB LOGAN	JS2	94-95	2	17		140	KHOAN	American
9	BASSON HERMANUS JOSIAS SCHREUD	JS2	33-34	2	15		112	KHOAN	SA
10	SUPRIYADI MAHRUS	JS2	31-32	2	17		100	KHOAN	Indonesian
11	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	99	1	10		70	KHOAN	Indian
12	NGUYEN VAN TRI	JS2	57	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM QUANG HUNG	JS2	29-30	2	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE MINH LOI	JS2	97	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MAN	JS2	98	1	5	CA40	70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC LAM	JS2	300	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VIET TRUNG	JS2	96	1	12	100	90	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN CONG HA	JS2	92-93	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC LANG	JS2	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	4	4	38	275	100	0		
2	VSP02	2	2	25	140	20	0		
3	JS2	13	18	123	1.099	40	22		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>24</b>	<b>186</b>	<b>1.514</b>	<b>160</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>186</b>	<b>1.514</b>	<b>160</b>			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2018	TO: P1 - CTK3 - TD1 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - MTuân - Toan	ETA: 11:20
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG THANH HOANG	CTK3	40	1	5		70	SAN BAY	Vietnamese
2	TRAN VAN CHANH	CTK3	41	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TUAN ANH	CTK3	42	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC THANH	CTK3	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM NHAT MINH	CTK3	47	1	12	80	65	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN CONG PHU	CTK3	48	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
7	RAKHMATULIN	CTK3	44-45	2	8		75	NIPi	Russian
8	SOKOLOVA	CTK3	43	1	10		60	NIPi	Russian
9	TRAN VAN MANH	TD1	03	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGO DUY NGOC	TD1	02	1	12	50	60	KHOAN	Vietnamese
11	HA NGOC TANG	TD1	06	1	10		60	NHA THAU	Vietnamese
12	VU VAN DUNG	TD1	07	1	5		55	NHA THAU	Vietnamese
13	ĐINH CHI THAM	TD1	01	1	10		70	NHA THAU	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG SON	TD1	04-05	2	10		63	NHA THAU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	0	0	0	0	0	4	30	
2	CTK3	8	9	65	571	80	1		
3	TD1	6	7	59	368	50	1		
4	BK14	0	0	0	0	30	14		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>16</b>	<b>124</b>	<b>939</b>	<b>160</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>124</b>	<b>939</b>	<b>160</b>			

GRAND TOAL: 1.223 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+PPD+BK5	7:25	1+19+0	0+0+0		1+16+5	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P3-PPD
2		TTC3+P4	7:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
3		CLO+PPD+TTC3	9:25	0+10+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ CLO-TTC3
4		GTCL1+RP3	9:25	4+16	0+0		0+22	0+0	
5		P2+TD5+RP1	11:25	8+5+9	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
6		PPD+BK3+P11	11:25	10+12+0	0+0+0		2+0+20	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2018	TO: P3 - PPD - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DINH BAC	P3	86	1	5		73	PVC-PT	Vietnamese
2	LE VAN LONG	PPD	62	1	3	70	75	KHI	Vietnamese
3	PHAM TAI	PPD	63	1	9		72	KHI	Vietnamese
4	FPOLOV D.V	PPD	47	1	5		80	KHI	Russian
5	HOANG MINH HIEU	PPD	49	1	2		70	KHI	Vietnamese
6	PHAM HAI QUANG	PPD	56	1	3		76	KHI	Vietnamese
7	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	50	1	4		65	KHI	Vietnamese
8	ĐO VAN TUAN	PPD	69	1	2	56	73	KHI	Vietnamese
9	TRAN VAN NAM	PPD	68	1	3		66	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TA	PPD	73	1	7		72	KHI	Vietnamese
11	ĐO VAN THANH	PPD	52	1	5		85	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN VU	PPD	51	1	6		81	KHI	Vietnamese
13	VU THANH BINH	PPD	61	1	4		78	KHI	Vietnamese
14	TRAN LE RANG	PPD	64	1	8		85	KHI	Vietnamese
15	TRINH CONG BINH	PPD	55	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	TRAN VAN THANH	PPD	48	1	5		57	KHI	Vietnamese
17	PHUNG VAN CHINH	PPD	65	1	4		76	KHI	Vietnamese
18	LE TRUNG HIEU	PPD	57-58	2	16	28	90	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HONG HAN	PPD	59-60	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN DANH LUAT	PPD	53-54	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	1	1	5	73	0	1	2	CHUYEN 2 PAX P3 SANG PPD
2	PPD	19	22	127	1.398	154	16		
3	BK5	0	0	0	0	25	5		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>23</b>	<b>132</b>	<b>1.471</b>	<b>179</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>132</b>	<b>1.471</b>	<b>179</b>			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2018	TO: TTC3 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC3	94	1	10		85	KH-THAC	Russian
2	VU DINH LOI	TTC3	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN LE	TTC3	95	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG ĐỨC THUẬN	TTC3	92	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN HOAN	P4	96	1	4		65	KHI	Vietnamese
6	KOLECHIK A IO	P4	97	1	7		100	KHI	Russian
7	TRƯƠNG THANH GIAP	P4	92	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	PHẠM TRẠI	P4	91	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG TUAN	P4	90	1	8		70	KHI	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	09	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	800	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	VU DINH CUONG	P4	07	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH CANG	P4	99	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	PHẠM MỘNG THANH	P4	08	1	5	70	70	KHI	Vietnamese
15	PHAN ĐÌNH NHAM	P4				50	70	KHI	Vietnamese
16	TÀ XUÂN HIỆU	P4	98	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4	94	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	VÔ QUỐC TUAN	P4	19-20	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
19	CÙ CHÍ CÔNG	P4	10-11	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN MANH	P4	93	1	5		71	PVE	Vietnamese
21	TRUONG CONG THIN	P4	95	1	5		68	PVE	Vietnamese
22	PHAN KHAC DOAN	P4					62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	4	4	27	289	0	0		
2	P4	18	18	108	1.289	120	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>135</b>	<b>1.578</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.578</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2018	TO: PPD - CLO - TTC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - PTUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH TUYEN	PPD	89-90	2	20	12	65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN NGOC QUYET	PPD	84	1	10	40	64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN NHAT LINH	PPD	83	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN TINH	PPD	79	1	6		63	DMC-RT	Vietnamese
5	MAC XUAN TRUONG	PPD	80	1	9	26	74	DMC-RT	Vietnamese
6	NGUYEN CONG HIEN	PPD	81	1	4	76	64	KHI	Vietnamese
7	BUI THANH	PPD	78	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	LUONG NGOC THANH	PPD	82	1	4		98	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HUY SON	PPD	77	1	5	5	76	KHI	Vietnamese
10	PHAM HONG PHONG	PPD	91	1	13	100	61	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	11	88	705	259	10	12	
2	CLO	0	0	0	0	35	9	2	CHUYEN 3 PAX TU CLO SANG TTC3
3	TTC3	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>10</b>	<b>11</b>	<b>88</b>	<b>705</b>	<b>294</b>	<b>22</b>	<b>14</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>88</b>	<b>705</b>	<b>294</b>			

GRAND TOAL: 1.087 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2018	TO: GTC1 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG TRỌNG BAI	GTC1	76	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM TRUNG HIỆU	GTC1	79	1	15	60	76	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUỐC CƯỜNG	GTC1	78	1	5	60	50	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	GTC1	80	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	04	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	09	1	5		74	KHI	Vietnamese
8	BUI VĂN HUNG	RP3	16	1	5		74	KHI	Vietnamese
9	LAM TIEN PHI	RP3	13	1	10		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	14	1	5		60	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SEN	RP3	12	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	02	1	7		80	KHI	Vietnamese
13	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	15	1	5	25	68	KHI	Vietnamese
14	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3				25	75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VINH	RP3	05-06	2	8		71	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	RP3	10	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
18	NGÔ THANH LAM	RP3	11	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	PHẠM BÌNH NAM	RP3	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	BUI VĂN TUẤN	RP3	07-08	2	7		72	PVGAS	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	4	4	42	268	120	0		
2	RP3	16	16	83	1.125	50	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>20</b>	<b>125</b>	<b>1.393</b>	<b>170</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>125</b>	<b>1.393</b>	<b>170</b>			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2018	TO: P2 - TD5 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - PTUÁN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TRONG	P2	88-89	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TAM	P2	32	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI DINH THU	P2	36	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUNG	P2	30	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN BA QUY	P2	34-35	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
6	HO NGOC BEN	P2	31	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC TOAN	P2	33	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SON	P2	90	1	8		57	XAYLAP	Vietnamese
9	KHAERDINOV VITALY	TD5	77	1	8		75	KHOAN	Russian
10	PHAM THE QUANG	TD5	76	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
11	ZHUCK	TD5	78	1	15		118	KH-THAC	Russian
12	NGUYEN AN NINH	TD5	80	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI XUAN TRUONG	TD5	79	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN THANH TUNG	RP1	81	1	5	60	75	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VAN THIET	RP1	80	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN XUAN MAI	RP1	77	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NAM HOANG	RP1	82	1	13		54	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM TUAN KHANH	RP1	76	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG MINH HIEU	RP1	47	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN VIEN	RP1	78-79	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM MINH TRUNG	RP1	75	1	14		85	XAYLAP	Vietnamese
22	VO HOANG TIEN	RP1	48	1	14		79	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	10	95	548	0	0		
2	TD5	5	5	59	402	0	1		
3	RP1	9	10	112	640	60	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>266</b>	<b>1.590</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>266</b>	<b>1.590</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.916 KGS.

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2018	TO: PPD - BK3 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Khang - MTuán - Năm	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH TAI	PPD	55	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAI	PPD	56-57	2	15		70	KHI	Vietnamese
3	LE HUY DUAN	PPD	54	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	LE XUAN DAM	PPD	58	1	10		62	PSV	Vietnamese
5	LUONG THANH DONG	PPD	50	1	10		70	PSV	Vietnamese
6	TRAN QUANG QUYEN	PPD	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN DUNG	PPD	51-52	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LE HUY CHUONG	PPD	48-49	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DINH TUAN	PPD	53	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN SI HAI	PPD	97	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG TU	BK3	03-04	2	8		70	DUY LINH	Vietnamese
12	VU MINH TUONG	BK3	101-102	2	15	10	65	DUY LINH	Vietnamese
13	PHAN VAN HIEU	BK3	600	1	8		58	DUY LINH	Vietnamese
14	CAO LE TR. GIANG	BK3	95	1	5		50	DUY LINH	Vietnamese
15	TRAN VAN DUY	BK3	96	1	5		85	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DEN	BK3	01	1	5		55	DUY LINH	Vietnamese
17	HO DEC VUONG	BK3	46	1	7		64	DUY LINH	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CONG	BK3	98	1	10		74	DUY LINH	Vietnamese
19	LUU VAN BINH	BK3	93	1	5	100	72	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYEN TAN TRUNG	BK3	28	1	5		50	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LAM	BK3	97	1	9		55	DUY LINH	Vietnamese
22	LE VAN TAI	BK3	94,99	2	15		58	DUY LINH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	13	119	669	0	2		
2	BK3	12	15	97	756	110	0		
3	P11	0	0	0	0	0	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>216</b>	<b>1.425</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>216</b>	<b>1.425</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/09/2018**

STT	NOMBA	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RCDM+RP1	7:25	18+1+1	0+0+0		14+0+4	0+0+0	
2		PVD2+JS2+TD1	7:25	7+4+11	0+0+0		4+1+17	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1 người bk10 vé bờ qua js2



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2018	TO: CLO - RCDM - RPI	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vân - ATUÂN - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH XUÂN PHÙ	CLO	20	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
2	LAM VĂN GIANG	CLO	61	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN ĐỨC HOÀNG	CLO	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HUU MAI	CLO	09-11	3	18		60	NHA THAU	Vietnamese
5	PHAN QUANG HIEN	CLO	17-18	2	17	30	64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	02	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	62	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	BUI XUÂN DUY	CLO	14	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHÙNG BA TUAT	CLO	07	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG BAO	CLO	06	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	300	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	01	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	08	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN MINH TUÂN	CLO	03	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM QUANG ANH	CLO	16	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TRUNG SƠN	CLO					78	D-HANH	Vietnamese
17	MULNIUCHKIN V.V	CLO	63	1	13		90	DVE	Russian
18	VŨ VĂN NAM	CLO	15	1	8		65	DVE	Vietnamese
19	DO NGOC HOAN	CLO	19,60	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HIEN	CLO	05	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THUY	RCDM	91	1	10	40	80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH THĂNG	RPI	37	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	23	150	1.420	30	13		
2	RCDM	1	1	10	80	40	0		
3	RPI	1	1	11	68	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>171</b>	<b>1.568</b>	<b>70</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>171</b>	<b>1.568</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2018	TO: PVD2 - JS2 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: MTHÁNG - Cương - HNAM	ETA: 09:15
cam-1		- THÁO	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG DUNG	PVD2	08	1	11		74	DVL	Vietnamese
2	VUONG KIEN QUOC	PVD2	01-02	2	12		76	DVL	Vietnamese
3	NHAM ĐỨC TUAN	PVD2	06-07	2	10		70	DVL	Vietnamese
4	LUU BA XO	PVD2	10-11	2	12		75	DVL	Vietnamese
5	LE HOAI THIEN	PVD2	03-04	2	20		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THU	PVD2	09	1	12		75	DVL	Vietnamese
7	ĐANG QUỐC ĐẠT	PVD2	05	1	12		72	DVL	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC ĐẠI	JS2	65-66	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH HUU CAN	JS2	62	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	JS2	67	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ TRỌNG NHIÊN	JS2	63-64	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH NAM	TD1	23	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRỌNG HUNG	TD1	12	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN THÀNH TUAT	TD1	14	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
15	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	20	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HUY QUANG	TD1	22	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	19	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	21	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HOA	TD1	13	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	18	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG NGOC SON	TD1	15	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM HOA VIỆT	TD1	16-17	2	20		65	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	11	89	517	0	4		
2	JS2	4	6	54	271	0	1		
3	TD1	11	12	67	759	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>29</b>	<b>210</b>	<b>1.547</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>210</b>	<b>1.547</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO  
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+BK5+P2	7:25	9+4+9	0+0+0		5+4+13	0+0+0	chuyen 2 pax bk5 -p2
2		TD2+P1	7:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
3		P7+BK6+BK4	7:25	18+4+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
4		P2+CTK3+BK14	7:25	21+1+0	0+0+0		9+9+0	0+0+0	chuyen 4 pax CTK3-bk14
5		P1+P11+P9	9:25	22+0+0	0+0+0		16+4+1	0+0+0	
6		P5+P6+TD3	9:25	15+7	0+0		15+6	0+0	
7		P4+P3	9:25	10+12	0+0		10+12	0+0	
8		P1+PPD+P5	9:25	11+5+6	0+0+0		4+9+6	0+0+0	
9		P4+BK9	11:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
10		P5+P7+RC4	11:25	10+11+0	0+0+0		8+9+2	0+0+0	chuyen 2 pax p5-p7

TTPDSX

*MLA*

*13h30*

*(Cấp cuối)*

Ghi chú: Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
P7-2 người DH đi kèm tra về chuyến cuối.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: TD3 - BK5 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	TD3	10	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHI	TD3	09	1	12	90	70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH BINH	TD3	06	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHANH	TD3	07-08	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TẤT HOÀ	TD3					80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUAN	TD3	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TÂN	TD3	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	TD3	01-02	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÔNG XUAN CHIEN	TD3	05	1	5		55	PSV	Vietnamese
10	LÊ NGỌC AN	BK5	97	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC HOAN	BK5	95	1	4	40	60	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC THẮNG	BK5	96	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	98	1	8		93	PSV	Vietnamese
14	KHOLOVA A.A.	P2	94	1	10		90	KH-THAC	Russian
15	TRẦN THANH QUANG	P2					72	VIET PHAT	Vietnamese
16	HOANG THANH HOA	P2	96-97	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG ĐỨC HIỆU	P2	95	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THÈ ANH	P2	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRÌNH BA ĐÔNG	P2	99,500	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH ĐỨC	P2	92	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG TUẤN KIỆT	P2	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAC ĐỨC HUY	P2	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	9	10	73	638	90	6		
2	BK5	4	4	20	303	40	4+2		CHUYỂN 02 PAX TU BK5 SANG P2
3	P2	9	10	60	627	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>153</b>	<b>1.568</b>	<b>130</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>153</b>	<b>1.568</b>	<b>130</b>			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: TD2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - CHIEN - Nam	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN VANG*TT	TD2				80	82	KHOAN	Vietnamese
2	BABUSHEV	TD2	77	1	6		94	ANTOAN	Russian
3	LÊ VĂN LỢI	TD2	78	1	5		74	YTE	Vietnamese
4	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	79	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN VĂN DIỆP	TD2					84	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2					76	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH QUỐC KHANH	TD2	83	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	74	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	75	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	76	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	73	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN THỦY	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	80	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ THẬP TOÀN	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
15	BUI QUANG NINH	TD2	91	1	9		66	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HUNG	TD2	92-93	2	20		50	D-HANH	Vietnamese
17	LÊ NGỌC AN	TD2	94	1	6	21	60	D-HANH	Vietnamese
18	ĐỖ HOÀI THANH	TD2	84	1	5		71	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HOAN	TD2	82	1	7		75	DVL	Vietnamese
20	VŨ HAI THĂNG	TD2	85	1	12		74	DVL	Vietnamese
21	DINH DUY HAI	TD2	81	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ VĂN MẠNH	P1	56	1	6	35	82	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	17	122	1.524	101	17		
2	P1	1	1	6	82	35	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>18</b>	<b>128</b>	<b>1.606</b>	<b>136</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>128</b>	<b>1.606</b>	<b>136</b>			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P7 - BK6 - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LBinh - TRUONG - Toan	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOVT A.	P7					99	D-HANH	Russian
2	ORLOV	P7	67	1	5		88	D-HANH	Russian
3	BUI ANH SON	P7					61	D-HANH	Vietnamese
4	PHUNG QUANG THANG	P7	64	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
5	SYDORSKY	P7	66	1	5		93	D-HANH	Russian
6	CHU MINH HUNG	P7	68	1	5		77	D-HANH	Vietnamese
7	HOANG NGOC TUNG	P7	69	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LUONG ANH TUAN	P7	57	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
9	TA VAN VIET	P7	53-54	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN VAN THIEM	P7	63	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HUNG	P7	70-71	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN LOI	P7	55	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TRONG AN	P7	65	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG VAN QUANG	P7	61-62	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN THIEN	P7	56	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO QUANG THANG	P7	59	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
17	HO NGUYEN KHANH DUY	P7	58	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG DUNG	P7	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO DUC HUNG	BK6					57	KH-THAC	Vietnamese
20	VU VAN HIEU	BK6	11	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH PHUC AM	BK6	12	1	4	55	73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	BK6	13	1	7		67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	18	19	108	1.309	20	16		
2	BK6	4	3	15	255	55	4		
3	BK4	0	0	0	0	35	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>123</b>	<b>1.564</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>123</b>	<b>1.564</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P2 - CTK3 - BK14	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HNAM	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC DUNG	P2	03	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG HUNG	P2	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU VAN TU	P2	12	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN DONG	P2	09	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN NAM	P2	13	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG DUC LINH	P2	08	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TUAN VU	P2	10	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM NG. HOANG PHUC	P2	04	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN PHU HUU	P2	17	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THO DUNG	P2					61	KH-THAC	Vietnamese
11	LE DINH HUAN	P2	05	1	2		50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC LAM	P2	02	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE SINH TAM	P2	06-07	2	8		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HA	P2	14	1	7	50	50	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN QUYEN	P2	11	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
16	K LING	P2	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN THANH SON	P2	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DOAN KHAC CAN	P2	15	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM SY HIEP	P2	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LUONG THE HIEN	P2	18-19	2	6	15	62	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN HUU NHAN	P2	24	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC CHAN	CTK3	57	1	4	56	70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	22	95	1.391	65	9		CHUYEN 4 PAX TU CTK3 SANG BK 14
2	CTK3	1	1	4	70	56	9+4		
3	BK14	0	0	0	0	3	0		
TOTAL		22	23	99	1.461	124	18		
WEIGHT KG				99	1.461	124			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P1 - P11 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN QUÝ	P1	79	1	8		105	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LÀNH	P1	91	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	82-83	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VĂN THẮNG	P1	87	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG THO	P1	96	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	VI KHÁC THANH	P1	89	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU VĂN TUAN	P1	90	1	5	40	66	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HỮU CHUNG	P1	78	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	500	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUANG TIEN	P1	95	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ DUY KHÁNH	P1	94	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHANH DUY	P1	300	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VĂN TỰ	P1	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN SĨ DU	P1	92	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI HUY NGHIỆP	P1	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG PHUOC	P1	83-84	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	93	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	86	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NÔNG	P1	99	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG YEN	P1	88	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	97	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HIỆP	P1	84	1	7		83	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	24	131	1.538	40	17		
2	P11	0	0	0	0	20	4		
3	P9	0	0	0	0	20	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>131</b>	<b>1.538</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>131</b>	<b>1.538</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P5 - P6 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LBinh - TRUONG - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VUONG VAN THONG	P5	40	1	5		67	YTE	Vietnamese
2	TU VAN SON	P5	93	1	5		78	PSV	Vietnamese
3	DAO XUAN THANH	P5	95	1	4		65	PSV	Vietnamese
4	HOANG NGOC HOA	P5	94	1	5		65	PSV	Vietnamese
5	PHAN HONG HAI	P5	65	1	5		66	PSV	Vietnamese
6	LE LAN PHUONG	P5	41	1	4		59	PSV	Vietnamese
7	LE NGOC LUAN	P5	99	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC VIET	P5	97	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN BAC	P5					80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG PHUC	P5	600	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TU ANH	P5	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VAN BA	P5	39	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN VAN MUOI	P5	68	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN MACH	P5	500	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE DUC THANH	P5	96	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGO HOAN	P6	31,33	2	20	55	72	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEN	P6	26-27	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
18	DO CONG MINH	P6	28	1	4	35	65	GETRACO	Vietnamese
19	LE KIM SANG	P6	30	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
20	TRAN VAN VIET A	P6	32	1	3		65	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC SON	P6	34	1	2		84	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VAN QUOC	P6	29	1	3		59	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	14	84	989	0	4		
2	P6	7	9	50	476	90	6		
3	TD3	0	0	0	0	55	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>134</b>	<b>1.465</b>	<b>145</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>134</b>	<b>1.465</b>	<b>145</b>			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P4 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - Nam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH KHIẾT	P4	23	1	5		63	DNV-GL	Vietnamese
3	VŨ BẢO AN	P4	21	1	5	70	76	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	60	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THÁI SƠN	P4	61	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	62	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH TUẤN	P4	97-98	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THĂNG	P4	99,100	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHÂN HẢI	P4	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ HỒNG HÀ	P4	22	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HÙNG	P3	91	1	7		75	DANG KIEM	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CỬU	P3	95	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN ĐẠM	P3	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẦN MINH HOÀI	P3	94	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÔNG VĂN THỊNH	P3	96	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SỸ CÔNG	P3	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	97	1	11	40	80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	87	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG BA VINH	P3	88	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	P3	90	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
21	VŨ VIỆT SƠN	P3	89	1	5		55	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	11	68	726	70	10		
2	P3	11	11	66	742	40	12		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>134</b>	<b>1.468</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>134</b>	<b>1.468</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P1 - PPD - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - Năm	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	95	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN DU	P1	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO ĐĂNG PHONG	P1	90	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN ĐẠT	P1	91-92	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHAP	P1	93-94	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO THAI HA	P1	97	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO QUANG HUNG	P1	98	1	10		107	CODIEN	Vietnamese
8	ĐO QUỐC THANH MINH	P1	99	1	8	39	84	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN BÌNH THUẬN	P1	100	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
10	PHAN TẤT THANG	P1	96	1	4		64	YTE	Vietnamese
11	LE MINH HIEU	P1	594	1	18		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DOANH	P1	85	1	5		70	VIETPHAT	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TŨ	PPD	73	1	10		77	KHI	Vietnamese
14	ĐẶNG TUẤN ANH	PPD	74	1	6	130	87	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC MINH	PPD	76	1	12		62	CODIEN	Vietnamese
16	DƯƠNG HỮU THUẬN	PPD	75	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH CHIÊN	PPD	72	1	5		74	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHAI	P5	01-02	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	99	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ QUANG HUNG	P5	98	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ TRUNG KIÊN	P5	97	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ XUÂN LONG	P5	700	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	14	107	881	39	3		
2	PPD	5	5	38	365	130	10	130	
3	P5	5	6	38	367	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>183</b>	<b>1.613</b>	<b>169</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>183</b>	<b>1.613</b>	<b>169</b>			

GRAND TOAL: 1.965 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P4 - BK9	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - DTùng	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN KHOAI	P4	97	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SON	P4	63	1	6	60	62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HONG TRUNG	P4	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	KHUÔNG VĂN THẢO	P4	94	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ SỸ KHOA	P4	93	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ TÂN DŨNG	P4	66	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI QUANG SON	P4	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	300	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DUY TRUNG	P4	89	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	67	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HUYỀN	P4	88	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC VĂN	P4	90	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO ĐẶC DAN	P4	95-96	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN HOÀN	P4	698	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ BÁT THƯƠNG	P4	92	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
17	PHAN QUÝ DŨNG	P4	99	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HÀ	P4	65	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUY THAI	P4	291	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	600	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRỌNG BÌNH	P4	696-697	2	15		65	YIE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	24	166	1.501	60	20		
2	BK9	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	24	166	1.501	100	22		
WEIGHT KG				166	1.501	100			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2018	TO: P5 - P7 - RC4	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LBinh - <i>Thao</i> - Toan	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CÔNG ĐĂNG	P5	04	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SOAI	P5	07	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TUAN	P5	05-06	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN CHUONG	P5	10	1	5	75	50	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN TUYEN	P5	08-09	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN KHANH	P5	11-12	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HUY	P5	03	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN HUAN	P5	17	1	3		59	CODIEN	Vietnamese
9	TRAN MANH CUONG	P5	15-16	2	14		74	CODIEN	Vietnamese
10	LE HUU TUONG	P5	13-14	2	8		56	CODIEN	Vietnamese
11	LE MINH HOANG	P7	97-98	2	13		80	NIPI	Vietnamese
12	VU VAN TUNG	P7	86-87	2	12		67	NIPI	Vietnamese
13	NGUYEN CHI CUONG	P7	82,200	2	13		72	NIPI	Vietnamese
14	LAI DUC HAO	P7	88	1	5		80	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUC	P7					70	PSV	Vietnamese
16	BUI DAC CANH	P7	93	1	5		63	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HANH	P7	94	1	6		72	PSV	Vietnamese
18	LE VIET KHANG	P7	85	1	3	35	67	PSV	Vietnamese
19	HOANG VIET HUNG	P7	99	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	MAI VAN TOAN	P7	95	1	4		61	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TINH	P7	96	1	6		65	DK9	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	10	15	91	655	75	81		CHUYEN 2 PAX P5 SANG P7
2	P7	11	13	72	762	35	10		
3	RC4	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>28</b>	<b>163</b>	<b>1.417</b>	<b>110</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>163</b>	<b>1.417</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 622	ETD: 12:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Quân - ĐTrung - TPHUONG	ETA: 16:00

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TR NHAT HUY	MRM				110	68	TTYT VSP	Vietnamese
2	TRAN NGOC BA	MRM					65	TTYT VSP	Vietnamese
3	IU LIA FOK	MRM					65	TTYT VSP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	3	0	0	198	110			REMOVE SEAT FOR LOADING CARGO.
TOTAL		3	0	0	198	110			
WEIGHT KG				0	198	110			

GRAND TOAL: 308 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN